

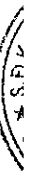
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**  
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9  
năm 2009**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch (được bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009)
Ông Đỗ Đình Luyện	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009)
Ông Đỗ Văn Khanh	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (được bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009)
Ông Đàm Hải Giang	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Khanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Trọng Diệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2009)
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng giai đoạn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Khanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 10 năm 2009 *ys*



Số: 81 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày của năm trước cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



**Phạm Văn Thịnh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0028/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 23 tháng 10 năm 2009  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Cao Nguyễn**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

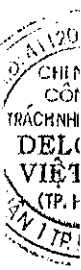
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	30/9/2009	31/12/2008
			(Trình bày lại)	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.546.898.070.278</b>	<b>2.065.294.939.509</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.327.652.480.832</b>	<b>687.790.226.960</b>
1. Tiền	111		187.567.343.726	195.122.511.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.140.085.137.106	492.667.715.169
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>120.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	120.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.016.935.967.906</b>	<b>1.056.945.202.837</b>
1. Phải thu khách hàng	131		884.688.832.743	1.043.280.603.366
2. Trả trước cho người bán	132		22.272.937.678	10.594.443.966
3. Các khoản phải thu khác	135		116.174.671.766	9.992.206.019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.200.474.281)	(6.922.050.514)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>157.225.722.942</b>	<b>174.461.359.251</b>
1. Hàng tồn kho	141		158.901.152.834	176.136.789.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.675.429.892)	(1.675.429.892)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.083.898.598</b>	<b>26.098.150.461</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.626.352.091	15.304.253.492
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.648.648.348	5.296.448.738
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.131.403.825
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.808.898.159	4.366.044.406
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.578.005.867.231</b>	<b>6.567.567.785.523</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.329.755.727.267</b>	<b>6.272.698.419.123</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	1.929.653.285.413	2.012.619.597.868
- Nguyên giá	222		2.466.873.225.198	2.411.225.758.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(537.219.939.785)	(398.606.160.354)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	146.581.576.932	146.890.993.792
- Nguyên giá	228		155.981.294.324	152.853.500.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.399.717.392)	(5.962.506.800)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	6.253.520.864.922	4.113.187.827.463
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>142.458.072.186</b>	<b>245.120.496.730</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	<b>11</b>	77.919.572.026	74.976.402.570
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	64.538.500.160	172.694.670.160
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>12</b>	-	(2.550.576.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>102.684.983.917</b>	<b>46.320.363.334</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		77.729.661.475	18.251.152.491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>13</b>	10.736.167.975	10.789.332.833
3. Tài sản dài hạn khác	268		14.219.154.467	17.279.878.010
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>	<b>10</b>	<b>3.107.083.861</b>	<b>3.428.506.336</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>11.124.903.937.509</b>	<b>8.632.862.725.032</b>

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

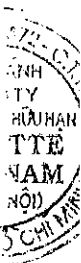
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	
			30/9/2009	(Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.775.930.517.379</b>	<b>6.051.085.089.434</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.730.602.970.430</b>	<b>3.934.636.483.213</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	28.647.386.176	1.983.809.569.154
2. Phải trả người bán	312		312.766.935.593	1.027.989.526.309
3. Người mua trả tiền trước	313		2.173.058.172	263.742.121.539
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	135.139.960.801	95.391.623.085
5. Phải trả người lao động	315		27.857.962.627	29.827.800.836
6. Chi phí phải trả	316		1.037.779.785.646	232.344.501.167
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		186.237.881.415	301.531.341.123
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.045.327.546.949</b>	<b>2.116.448.606.221</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		924.604.807.591	212.198.276.591
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	5.094.125.371.146	1.878.918.456.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		26.597.368.212	25.331.873.630
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>2.822.464.845.023</b>	<b>2.090.816.903.947</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>		<b>2.799.169.042.434</b>	<b>2.071.196.775.334</b>
1. Vốn điều lệ	411		1.321.675.040.000	1.321.675.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.153.600.000	201.153.600.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		10.803.610.890	5.974.444.429
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		225.427.040.793	149.576.096.366
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		112.607.078.098	79.911.387.199
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		927.502.672.653	312.906.207.340
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>23.295.802.589</b>	<b>19.620.128.613</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		23.295.802.589	19.620.128.613
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>18</b>	<b>526.508.575.107</b>	<b>490.960.731.651</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>11.124.903.937.509</b>	<b>8.632.862.725.032</b>



Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU B 01-DN/HN****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**30/9/200931/12/2008

Ngoại tệ các loại

USD

7.366.923

7.451.168

EUR

16.515

16.497

GBP

560

560

Dinar Algeria

6.095.159

39.418.953



Đỗ Văn Khanh

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

Đoàn Đặc Tùng  
Kế toán trưởng

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU B 02-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2008
			đến 30/9/2009	đến 30/9/2008 Chưa soát xét
1. Doanh thu gộp	01	19	2.860.762.689.927	2.631.135.825.581
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		2.860.762.689.927	2.631.135.825.581
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(1.878.689.490.185)	(1.747.619.696.467)
5. Lợi nhuận gộp	20		982.073.199.742	883.516.129.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	130.210.499.492	83.337.870.330
7. Chi phí tài chính	22	22	(107.755.649.943)	(114.123.539.778)
8. Chi phí bán hàng	24		(821.838.576)	(613.253.879)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(149.903.649.301)	(128.878.411.130)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		853.802.561.414	723.238.794.657
11. Thu nhập khác	31		102.673.655.091	11.864.360.689
12. Chi phí khác	32		(79.203.327.187)	(1.214.877.059)
13. Lợi nhuận khác	40		23.470.327.904	10.649.483.630
14. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	11	38.038.764.913	30.040.923.000
15. Lợi nhuận trước thuế	60		915.311.654.231	763.929.201.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	23	(101.431.888.454)	(42.636.032.330)
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	13	(53.164.858)	-
18. Lợi nhuận sau thuế	70		813.826.600.919	721.293.168.957
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	18		9.738.414.085	7.383.554.587
- Cổ đông của Tổng Công ty	17		804.088.186.834	713.909.614.370
<b>19. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	<b>24</b>	<b>6.084</b>	<b>5.875</b>

**Đỗ Văn Khanh****Tổng Giám đốc**Ngày 23 tháng 10 năm 2009 **Đoàn Đức Tùng****Kế toán trưởng**

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

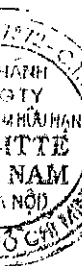
**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2008
		đến 30/9/2009	đến 30/9/2008
			Chưa soát xét
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	915.311.654.231	763.929.201.287
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	143.196.017.864	138.840.811.502
Các khoản dự phòng	03	(3.272.152.233)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	10.589.171.866	10.249.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.316.716.583)	(98.530.068.606)
Chi phí lãi vay	06	31.766.084.221	57.489.291.488
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.004.274.059.366</b>	<b>871.978.235.671</b>
Tăng các khoản phải thu	09	151.505.382.230	(394.488.792.370)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	17.235.636.309	(19.529.286.133)
Tăng các khoản phải trả	11	358.660.047.357	782.022.549.835
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(70.800.607.583)	9.805.237.524
Tiền lãi vay đã trả	13	(34.952.117.458)	(46.497.121.619)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44.918.391.590)	(5.588.222.725)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(78.151.811.439)	(94.745.804.919)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.302.852.197.192</b>	<b>1.102.956.795.264</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.166.694.582.567)	(2.590.819.072.471)
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(10.277.314.229)	(127.746.500.000)
3. Tiền thu đầu tư từ các đơn vị khác	26	124.738.170.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	99.898.895.227	116.142.674.997
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.952.334.831.569)</b>	<b>(2.602.422.897.474)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	432.475.000	3.455.970.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.442.503.162.949	2.153.378.899.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.149.054.627.121)	(105.046.779.264)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(203.872.072.230)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.293.881.010.828</b>	<b>1.847.916.017.506</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>644.398.376.451</b>	<b>348.449.915.296</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>687.790.226.960</b>	<b>521.940.969.553</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(4.536.122.579)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.327.652.480.832</b>	<b>870.390.884.849</b>



Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

**MẪU B 03-DN/HN**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 59.060.554.679 đồng giá trị tài sản mua sắm trong giai đoạn nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Đỗ Văn Khanh**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

**Đoàn Đức Tùng**

**Kế toán trưởng**

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

## GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

*Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và sáu công ty con cùng ba công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Các công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Invest"), trước đây tên là Công ty Đầu tư Khoan Thái Bình Dương, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Invest tại số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (sau đây gọi tắt là "PVD Tech") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech tại số 21, đường Nguyễn Trung Ngạn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

## GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của các công ty con được trình bày cụ thể tại Ghi chú số 9 phần ghi chú báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là "PVD-PTI") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 10 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

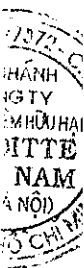
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Theo như trình bày tại chi tiết tại ghi chú số 23 dưới đây, Tổng Công ty đã nhận được thông tin chính thức về chính sách thuế áp dụng với các công ty con từ Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty đã trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 để phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung liên quan đến các năm tài chính trước theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 29. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.764.831.015	95.391.623.085	42.626.792.070
Lợi nhuận chưa phân phối	355.532.999.410	312.906.207.340	(42.626.792.070)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.778.647.305	42.636.032.330	37.857.385.025
Lợi nhuận sau thuế	759.150.553.982	721.293.168.957	(37.857.385.025)

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Tổng Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (xem chi tiết dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

## GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Các khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Các khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh nghiệp vụ mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận mà Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược về hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty về lợi thế thương mại từ việc mua công ty con.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện phần phụ trội giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc công ty liên doanh tại ngày đầu tư. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản vô hình và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty khi cổ phần hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và công ty liên doanh được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được hạch toán vào khoản lãi lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2009 <u>Số năm</u>	2008 <u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 10	6 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 8	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4	3 - 4
Phương tiện vận tải	7	5 - 7
Tài sản khác	10 - 20	10 - 15

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao áp dụng cho một số loại tài sản cố định được mua mới từ năm 2009, thể hiện chi tiết trong bảng trên đây. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao không làm ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao của Tổng Công ty trong năm.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

**Tổng Công ty là bên cho thuê**

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Tổng Công ty là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

### GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

#### Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng không thời hạn lô đất có diện tích 1.322,8 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 143 đường Trần Nãi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty không khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận từ ngày giao dịch và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí về công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan của PVD Invest, một công ty con của Tổng Công ty,

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

## GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi các dự án xây dựng giàn khoan hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh lũy kế được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh còn chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ trong năm năm.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá hối đoái ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/9/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.473.019.970	1.325.160.265
Tiền gửi ngân hàng	186.094.323.756	193.785.462.026
Tiền đang chuyển	-	11.889.500
Các khoản tương đương tiền	1.140.085.137.106	492.667.715.169
	<b><u>1.327.652.480.832</u></b>	<b><u>687.790.226.960</u></b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi đường	10.095.344.754	7.333.502.107
Nguyên liệu, vật liệu	131.412.048.560	70.763.705.102
Công cụ, dụng cụ	1.286.293.639	1.594.368.301
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.059.448.917	93.594.244.636
Hàng hoá	1.694.363.437	2.023.885.718
Hàng gửi đi bán	353.653.527	827.083.279
	<b><u>158.901.152.834</u></b>	<b><u>176.136.789.143</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.675.429.892)	(1.675.429.892)
	<b><u>157.225.722.942</u></b>	<b><u>174.461.359.251</u></b>

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2009	37.123.548.550	232.356.242.628	25.080.113.821	19.860.218.436	2.096.805.634.787	2.411.225.758.222
Tăng trong kỳ	946.841.416	40.982.953.044	3.388.179.887	7.325.782.930	-	52.643.757.277
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.806.722.464	8.871.598.752	958.257.348	-	-	29.636.578.564
Thanh lý	-	(208.225.500)	(1.194.349.310)	-	-	(1.402.574.810)
Giảm khác	-	-	-	-	(25.230.294.055)	(25.230.294.055)
Tại ngày 30/9/2009	<b><u>57.877.112.430</u></b>	<b><u>282.002.568.924</u></b>	<b><u>28.232.201.746</u></b>	<b><u>27.186.001.366</u></b>	<b><u>2.071.575.340.732</u></b>	<b><u>2.466.873.225.198</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2009	8.130.172.543	94.193.725.754	10.852.342.643	9.760.699.209	275.669.220.205	398.606.160.354
Khấu hao trong kỳ	4.435.472.633	22.814.747.207	3.796.598.398	2.184.050.443	106.510.569.328	139.741.438.010
Giảm do thanh lý	-	(64.285.492)	(1.063.373.087)	-	-	(1.127.658.579)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/9/2009	<b><u>12.565.645.176</u></b>	<b><u>116.944.187.469</u></b>	<b><u>13.585.567.954</u></b>	<b><u>11.944.749.652</u></b>	<b><u>382.179.789.533</u></b>	<b><u>537.219.939.785</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/9/2009	<b><u>45.331.467.254</u></b>	<b><u>165.058.381.455</u></b>	<b><u>14.646.633.792</u></b>	<b><u>15.241.251.714</u></b>	<b><u>1.689.395.551.199</u></b>	<b><u>1.929.653.285.413</u></b>
Tại ngày 31/12/2008	<b><u>28.993.376.007</u></b>	<b><u>138.162.516.874</u></b>	<b><u>14.227.771.178</u></b>	<b><u>10.099.519.227</u></b>	<b><u>1.821.136.414.582</u></b>	<b><u>2.012.619.597.868</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Theo ghi chú số 4, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Khoản giảm khác trong tài sản cố định hữu hình là chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản là 1.445.959.707,12 Dinar sang thành Việt Nam đồng.

Như trình bày tại ghi chú số 16, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 246.744.260.511 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 291.392.191.020 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Lợi thế thương mại VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	109.833.329.400	28.717.408.294	14.302.762.898	152.853.500.592
Tăng trong kỳ	-	-	3.141.763.946	3.141.763.946
Giảm khác	-	-	(13.970.214)	(13.970.214)
Tại ngày 30/9/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>28.717.408.294</u>	<u>17.430.556.630</u>	<u>155.981.294.324</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	-	4.123.854.020	1.838.652.780	5.962.506.800
Khấu hao trong kỳ	-	1.076.902.811	2.377.677.043	3.454.579.854
Giảm khác	-	-	(17.369.262)	(17.369.262)
Tại ngày 30/9/2009	-	<u>5.200.756.831</u>	<u>4.198.960.561</u>	<u>9.399.717.392</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/9/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>23.516.651.463</u>	<u>13.231.596.069</u>	<u>146.581.576.932</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>109.833.329.400</u>	<u>24.593.554.274</u>	<u>12.464.160.118</u>	<u>146.890.993.792</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/9/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Dự án giàn khoan biển PV Drilling II	2.879.487.441.250	1.400.442.580.427
Dự án giàn khoan biển PV Drilling III	3.298.363.277.866	2.689.476.352.614
Các công trình xây dựng cơ bản khác	75.670.145.806	23.268.894.422
	<u>6.253.520.864.922</u>	<u>4.113.187.827.463</u>

Trong kỳ, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với số tiền 126.528.615.409 đồng (từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008: 28.208.980.938 đồng). Đây là các chi phí liên quan đến các khoản vay sử dụng cho việc xây dựng các giàn khoan của Tổng Công ty.

Như trình bày tại ghi chú số 16, dự án giàn khoan biển PV Drilling II với giá trị công trình lũy kế đến ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 2.879.487.441.250 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.400.442.580.427 đồng) đang được làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký		Vốn điều lệ đã góp		Tỷ lệ sở hữu %
	30/9/2009	31/12/2008	30/9/2009	31/12/2008	
	VND	VND	VND	VND	
PVD Invest	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	510.000.000.000	510.000.000.000	51
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	57.640.139.096	57.640.139.096	100
PVD Well Services	50.000.000.000	50.000.000.000	804.342.798	804.342.798	100
PVD Logging	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Tech	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Training	22.334.500.000	22.334.500.000	15.962.691.000	15.962.691.000	51

Theo Quyết định số 01/11/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 11 năm 2008 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định sáp nhập PVD Invest vào Công ty mẹ. Theo đó, vào ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty mẹ đã phát hành thêm 25.716.285 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng cho các cổ đông hiện hữu của PVD Invest và các bên góp vốn theo hợp đồng góp vốn đầu tư giàn khoan PV Drilling III tại PVD Invest. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty mẹ, phê duyệt phân vốn điều lệ tăng thêm.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.970.091.000 đồng. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 như sau:

	Lợi thế thương mại VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2009	4.285.636.640
Tại ngày 30/9/2009	4.285.636.640
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2009	857.130.304
Khấu hao trong kỳ	321.422.475
Tại ngày 30/9/2009	1.178.552.779
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/9/2009	3.107.083.861
Tại ngày 31/12/2008	3.428.506.336

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên doanh nghiệp liên doanh	Vốn điều lệ USD	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
BJ-PVD	1.000.000	7.880.670.000	49
PVD-PTI	4.000.000	34.238.560.029	51
PVD Tubulars	3.500.000	30.548.750.000	51



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Giá trị khoản đầu tư và quyền lợi của Tổng Công ty đối với lợi nhuận tại các công ty liên doanh như sau:

	Giá gốc tại 30/9/2009 VNĐ	Lợi nhuận trong giai đoạn từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Lợi nhuận nhận từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Tại ngày 30/9/2009 VNĐ
BJ-PVD	7.880.670.000	37.628.065.188	(32.787.172.916)	12.721.562.272
PVD-PTI	34.238.560.029	410.699.725	-	34.649.259.754
PVD Tubulars	30.548.750.000	-	-	30.548.750.000
	<u>72.667.980.029</u>	<u>38.038.764.913</u>	<u>(32.787.172.916)</u>	<u>77.919.572.026</u>

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/9/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Trái phiếu chính phủ	44.538.500.160	44.538.500.160
Chứng chỉ quỹ	-	4.738.170.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	95.418.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(2.550.576.000)
	<u>64.538.500.160</u>	<u>170.144.094.160</u>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng giá trị thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá mua, do vậy, không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong giai đoạn và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng VNĐ
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	4.643.582.340	6.094.825.493	10.738.407.833
Tại ngày 31/12/2008	4.694.507.340	6.094.825.493	10.789.332.833
Ghi nhận vào lợi nhuận trong kỳ	700.101.214	(753.266.072)	(53.164.858)
Tại ngày 30/9/2009	<u>5.394.608.554</u>	<u>5.341.559.421</u>	<u>10.736.167.975</u>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/9/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Vay ngắn hạn	4.946.215.501	1.762.464.258.050
Vay dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 16)	23.701.170.675	221.345.311.104
	<u>28.647.386.176</u>	<u>1.983.809.569.154</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/9/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí ("PVFC")	4.946.215.501	-
JP Morgan	-	408.296.850.000
DBS Bank Limited	-	471.111.750.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	513.299.595.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	-	55.681.563.050
ABN AMRO N.V. Bank ("ABN-AMRO")	-	314.074.500.000
	<u><b>4.946.215.501</b></u>	<u><b>1.762.464.258.050</b></u>

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng PVFC, một bên liên quan, thể hiện khoản vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động và thanh toán tiền thi công công trình nhà xưởng và văn phòng làm việc của PVD Training với tổng hạn mức 5.000.000.000 đồng.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/9/2009	31/12/2008 (Trình bày lại Ghi chú số 3)
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.888.330.611	33.198.049.613
Thuế nhập khẩu	33.776.575	1.543.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.518.880.972	44.259.017.368
Thuế thu nhập cá nhân	11.725.222.165	12.615.945.880
Thuế nhà thầu	10.195.444.610	5.317.066.452
Các loại thuế khác	5.778.305.868	-
	<u><b>135.139.960.801</b></u>	<u><b>95.391.623.085</b></u>

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/9/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay dài hạn	5.117.826.541.821	2.100.263.767.104
Vay dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 14)	(23.701.170.675)	(221.345.311.104)
	<u><b>5.094.125.371.146</b></u>	<u><b>1.878.918.456.000</b></u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/9/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	870.627.505.410	1.043.892.165.924
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí	189.609.365.400	213.134.775.525
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đầu tư giàn khoan PV Drilling II	1.747.068.536.011	843.236.825.655
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	513.722.885.000	-
The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited	1.796.798.250.000	-
	<u><b>5.117.826.541.821</b></u>	<u><b>2.100.263.767.104</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2005, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Vietcombank với số tiền 80.237.605 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan tự nâng đa năng 90 mét (PV Drilling I). Thời hạn của khoản vay là 109,5 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, trong đó có 25,5 tháng ân hạn. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần trong 84 tháng sau khi kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay này được Petro Việt Nam, cổ đông chính của Tổng Công ty bảo lãnh, và chịu lãi suất lãi tiền vay bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay trong thời gian ân hạn được cộng dồn vào nợ gốc vay sáu tháng một lần.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với PVFC, một bên liên quan, với hạn mức tín dụng là 18.599.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan đất liền (PV Drilling 11). Thời hạn vay vốn là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 12 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với nguyên giá là 336.081.823.970 đồng và giá trị còn lại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 246.744.260.511 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 291.392.191.020 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với các bên là BIDV, PVFC và Eximbank với hạn mức tín dụng 155.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling II. Thời hạn vay vốn là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 24 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị công trình lũy kể đến ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 2.879.487.441.250 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 1.400.442.580.427 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ được tính bình quân dựa trên tỷ lệ tài trợ của các tổ chức tín dụng đồng tài trợ cộng với lãi suất biên và lãi suất vay này không vượt quá một mức cố định đã được thống nhất giữa các bên. Lãi vay được thanh toán sáu tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 18 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2011.

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty cũng đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ trị giá 115.000.000 đô la Mỹ với ABN AMRO Bank N.V., Australia và New Zealand Banking Group Limited, The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Oversea-Chinese Banking Corporation Limited, First Commercial Bank, Far East National Bank và Land Bank of Taiwan để tài trợ cho việc thanh toán các khoản vay bắc cầu ngắn hạn và nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư mua sắm cho Dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III với nhà thầu Keppel Fels. Khoản vay này được bảo lãnh bởi PetroVietnam. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất LIBOR ba tháng cộng lãi suất biên và được hoàn trả trong 5 năm sau 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với BIDV với hạn mức 35.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III. Thời hạn vay vốn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế cộng với lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/9/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	23.701.170.675	221.345.311.104
Trong năm thứ hai	904.325.242.432	513.349.711.104
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.096.461.527.632	1.191.586.717.242
Sau năm năm	<u>1.093.338.601.082</u>	<u>173.982.027.654</u>
	<b>5.117.826.541.821</b>	<b>2.100.263.767.104</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(23.701.170.675)</u>	<u>(221.345.311.104)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>5.094.125.371.146</u></b>	<b><u>1.878.918.456.000</u></b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh của Tổng Công ty, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.321.675.040.000 đồng (2008: 1.321.675.040.000 đồng).

Như đã trình bày tại Ghi chú số 9, Công ty mẹ đã hoàn tất việc sát nhập PVD Invest với việc phát hành thêm 25.716.285 cổ phần. Tại ngày của báo cáo này, Công ty mẹ chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới. Nếu Công ty mẹ đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới, số vốn điều lệ của Tổng Công ty sẽ tăng thêm 257.162.850.000 đồng, tương đương mệnh giá của 25.716.285 cổ phần.

Chi tiết về số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/9/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	132.167.504	132.167.504
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	132.167.504	132.167.504
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng	10.000 đồng

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

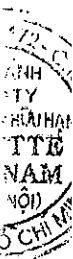
Cổ đông lớn và giá trị cổ phần tương ứng của các cổ đông này như sau:

	30/9/2009	31/12/2008		
	%	VNĐ	%	VNĐ
Petro Việt Nam	50,38%	665.856.000.000	50,38%	665.856.000.000

Thay đổi vốn cổ đông và các quỹ khác trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	1.101.397.300.000	201.153.600.000	424.716.279.644	34.554.623.567	58.751.471.235	9.872.495.037	33.777.417.556	1.864.223.187.039
Cổ tức bằng cổ phần	220.277.740.000	-	(220.277.740.000)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(3.898.050.608)	-	(3.898.050.608)
Lợi nhuận trong năm	-	-	879.631.812.721	-	-	-	-	879.631.812.721
Cổ tức đã trả	-	-	(534.289.112.230)	-	-	-	-	(534.289.112.230)
Phân phối quỹ	-	-	(236.875.032.795)	45.356.763.632	90.824.625.131	-	100.693.644.032	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã sử dụng	-	-	-	-	-	-	(114.850.932.975)	(114.850.932.975)
Tại ngày 31/12/2008	1.321.675.040.000	201.153.600.000	312.906.207.340	79.911.387.199	149.576.096.366	5.974.444.429	19.620.128.613	2.090.816.903.947
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	-	-	4.829.166.461	-	4.829.166.461
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	804.088.186.834	-	-	-	-	804.088.186.834
Phân phối quỹ	-	-	(189.491.721.521)	32.695.690.899	75.850.944.427	-	80.945.086.195	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã sử dụng	-	-	-	-	-	-	(77.269.412.219)	(77.269.412.219)
Tại ngày 30/9/2009	1.321.675.040.000	201.153.600.000	927.502.672.653	112.607.078.098	225.427.040.793	10.803.610.890	23.295.802.589	2.822.464.845.023

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế của giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

	Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	Chênh lệch tỷ giá của giai đoạn xây dựng cơ bản (PVD Invest) VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	9.872.495.037	-	9.872.495.037
Tăng trong năm	18.395.662.657	(43.713.163.264)	(25.317.500.607)
Phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	21.419.449.999	21.419.449.999
<b>Tại 31/12/2008</b>	<b>28.268.157.694</b>	<b>(22.293.713.265)</b>	<b>5.974.444.429</b>
Tăng trong kỳ	(23.151.274.019)	54.863.608.784	31.712.334.765
Phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	(26.883.168.304)	(26.883.168.304)
<b>Tại 30/9/2009</b>	<b>5.116.883.675</b>	<b>5.686.727.215</b>	<b>10.803.610.890</b>

**18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Invest và PVD Training. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PVD Invest VNĐ	PVD Training VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con	1.000.000.000.000	22.334.500.000
<i>Trong đó:</i>		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	510.000.000.000	11.390.630.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	490.000.000.000	10.943.870.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>49%</b>	<b>49%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 9 năm 2009:

	PVD Invest VNĐ	PVD Training VNĐ	Tổng VNĐ
Tổng tài sản	6.898.914.486.248	38.157.492.186	6.937.071.978.434
Tổng nợ phải trả	(5.850.461.600.870)	(12.103.081.428)	(5.862.564.682.298)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>1.048.452.885.378</b>	<b>26.054.410.758</b>	<b>1.074.507.296.136</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000	22.334.500.000	1.021.511.660.000
Chênh lệch tỷ giá	5.463.718.305	-	5.463.718.305
Các quỹ khác	3.284.283.740	70.204.199	3.354.487.939
Lợi nhuận chưa phân phối	14.993.911.791	1.752.552.072	16.746.463.863
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>513.741.913.836</b>	<b>12.766.661.271</b>	<b>526.508.575.107</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	490.000.000.000	10.943.905.000	500.943.905.000
Chênh lệch tỷ giá	5.463.718.305	-	5.463.718.305
Các quỹ khác	3.284.283.740	70.204.199	3.354.487.939
Lợi nhuận chưa phân phối	14.993.911.791	1.752.552.072	16.746.463.863



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.545.551.397	46.703.274.515
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.901.293.299	27.660.729.119
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.763.654.796	8.973.866.696
	<b>130.210.499.492</b>	<b>83.337.870.330</b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Chi phí lãi vay	31.766.084.221	57.489.291.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.589.171.866	10.249.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.003.783.826	34.827.273.017
Chi phí tài chính khác	7.396.610.030	11.557.975.273
	<b>107.755.649.943</b>	<b>114.123.539.778</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	915.311.654.231	763.929.201.287
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(107.338.996.194)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>34.562.540.163</i>	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>842.535.198.200</b>	<b>763.929.201.287</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	101.431.888.454	4.778.647.305
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	37.857.385.025
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>101.431.888.454</b>	<b>42.636.032.330</b>

Theo công văn ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính, một số công ty con của Tổng Công ty, bao gồm PVD Logging, PVD Well và PVD Tech, không được hưởng ưu đãi thuế trong năm 2007 và 2008. Theo đó, Tổng Công ty phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2007 và 2008 với số tiền 42.626.792.070 đồng. Số tiền này được ghi nhận tăng vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong đó, cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008 số tiền thuế được ghi nhận bổ sung là 37.857.385.025 đồng. Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố để phản ánh khoản thuế bổ sung vào báo cáo tài chính đã công bố năm trước. Theo đó, các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ tăng với số tiền là 42.626.792.070 đồng và lợi nhuận chưa phân phối cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Công ty sẽ giảm một số tiền là 37.857.385.025 đồng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	PVD Training VNĐ	PVD Invest VNĐ	Các thành viên khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	4.540.136.558	19.221.936.069	891.549.581.604	915.311.654.231
Trừ: Thu nhập không chịu thuế			(107.089.075.826)	(107.089.075.826)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-	32.865.106.582	32.865.106.582
Thu nhập chịu thuế	4.540.136.558	19.221.936.069	817.325.612.360	841.087.684.987
Thuế suất	16,49%	25%	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	748.456.221	4.805.484.017	129.823.596.322	135.377.536.560
Giảm trừ thuế	(224.536.866)	(1.441.645.205)	(32.279.466.035)	(33.945.648.106)
<b>Tổng chi phí thuế hiện hành</b>	<b>523.919.355</b>	<b>3.363.838.812</b>	<b>97.544.130.287</b>	<b>101.431.888.454</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Trong đó, Công ty mẹ và PVD Offshore được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo..

PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 0% đến 25% cho các hoạt động. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm từ năm 2007 đến năm 2009 và được miễn 50% trong 7 năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật, và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm từ năm 2005 đến năm 2006 và được miễn 50% trong 7 năm tiếp theo từ năm 2007 đến năm 2013 cho hoạt động đào tạo an toàn.

BJ-PVD được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 đến năm 2008), và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo.

PVD Invest, PVD Well, PVD Logging và PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoại trừ PVD Offshore, Tổng Công ty được giảm 30% thuế phải nộp cho quý 4 năm 2008 và cho cả năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ	804.088.186.834	713.909.614.370
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	804.088.186.834	713.909.614.370
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	132.167.504	121.516.712
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>6.084</b>	<b>5.875</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria. Các thủ tục quyết toán thuế sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào.

**26. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN**

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2008, PVD Invest cũng đã ký hợp đồng khác với Nhà thầu Keppel Fels Limited và Nhà thầu Will Alpha xây dựng giàn khoan biển cao 517 bộ (PV Drilling III) với giá trị hợp đồng lần lượt là 185.000.000 đô la Mỹ và 21.000.000 đô la Mỹ. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Nhà thầu Keppel Fels Limited đã hoàn thành phần xây dựng trị giá ước tính 202.910.000 đô la Mỹ. Giá trị còn lại của hợp đồng sẽ được thực hiện và ước tính hoàn tất vào tháng 11 năm 2009.

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

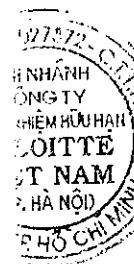
	30/9/20009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	6.394.498.605	19.094.565.100
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.459.441.655	54.402.896.236
Sau năm năm	2.466.073.740	18.517.343.594
	<u>15.320.014.000</u>	<u>92.014.804.930</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét)
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Doanh thu</b>	-	-
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	405.774.827.621	204.949.024.446
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>1.826.073.222.849</u>	<u>2.204.493.110.869</u>
<b>Mua hàng</b>	-	-
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	68.417.173.953	58.893.747.341
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>501.594.082.439</u>	<u>391.128.628.068</u>
<b>Vay từ PVFC</b>		
Hoàn trả	<u>23.525.410.125</u>	<u>22.477.821.450</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/9/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Lương	3.540.587.360	2.685.096.440
Tiền thưởng	4.239.585.860	4.900.163.737
	<u>7.780.173.220</u>	<u>7.585.260.177</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc-niên độ kế toán như sau:

	30/9/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	32.650.534.631	889.510.280
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>577.726.781.518</u>	<u>111.379.068.171</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	26.368.890.917	9.916.738.956
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>189.609.365.400</u>	<u>213.134.775.525</u>
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Petro Việt Nam	<u>-</u>	<u>166.464.000.000</u>

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này.

**30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 10 năm 2009.



**Đỗ Văn Khánh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

**Đoàn Đức Tùng**  
**Kế toán trưởng**